TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **94**/2017/DSST
Ngày: 31/7/2017

V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Bình**
2. Ông **Mã Thanh Trung**
- Thư ký phiên toà: Ông **Trần Đình Chưởng**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Trong ngày **31** tháng **7** năm **2017** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 270/2017/TLST-DS ngày 21/6/2017 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2017/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Tôn Thị Trúc L**, sinh năm 1984.
Anh **Trần Văn B**, sinh năm 1982.
Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Chị **Phạm Thị Hồng D**, sinh năm 1986.
Anh **Đồng Văn L**, sinh năm 1981.
Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
(Chị L, anh B, chị D có mặt; anh L có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 21/6/2017 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Tôn Thị Trúc L và anh Trần Văn B trình bày:

Chị Tôn Thị Trúc L và anh Trần Văn B là chủ hụi, vợ chồng chị Phạm Thị Hồng D và anh Đồng Văn L có tham gia các dây hụi như sau:

- Dây thứ 01: Hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 01/05/2013 âm lịch, một năm khui 03 lần, gồm 15 phần, có 13 hụi viên tham gia, vợ chồng chị D và anh L tham gia 02 phần.

+ Phần thứ 01 hốt vào tháng 05/2014, nợ 04 kỳ hụi đã qua kỳ khui là 8.000.000 đồng, chưa đến kỳ khui khi mãn hụi 02 kỳ là 4.000.000 đồng.

+ Phần thứ 02 hốt vào tháng 09/2014, nợ 04 kỳ hụi đã qua kỳ khui là 8.000.000 đồng, chưa đến kỳ khui khi mãn hụi 02 kỳ là 4.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 phần hụi nợ 08 kỳ đã qua kỳ khui số tiền **16.000.000 đồng**, chưa đến kỳ khui khi mãn hụi là 04 kỳ là **8.000.000 đồng**, hụi mãn vào vụ đông xuân năm 2018.

- Dây thứ 02: Hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 01/08/2013 âm lịch, một năm khui 03 lần, gồm 18 phần, có 17 hụi viên tham gia, vợ chồng chị D và anh L tham gia 01 phần, đã hốt vào kỳ thứ 2, nợ 04 kỳ hụi đã qua kỳ khui là **4.000.000 đồng**, chưa đến kỳ khui khi mãn hụi 06 kỳ là **6.000.000 đồng**, hụi mãn vào vụ 2 năm 2019.

- Dây thứ 03: Hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 15/10/2013 âm lịch, một năm khui 04 lần, gồm 19 phần, có 17 hụi viên tham gia, vợ chồng chị D và anh L tham gia 03 phần.

+ Phần thứ 01 hốt vào kỳ thứ 2, nợ 5 kỳ hụi đã qua kỳ khui 5.000.000 đồng.

+ Phần thứ 02 hốt vào kỳ thứ 4, nợ 5 kỳ hụi đã qua kỳ khui 5.000.000 đồng.

+ Phần thứ 03 hốt vào kỳ thứ 7, nợ 5 kỳ hụi đã qua kỳ khui 5.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 phần hụi đã qua kỳ khui còn nợ là 5 kỳ x 3 phần là **15.000.000 đồng**, chưa đến kỳ khui khi mãn hụi là 04 kỳ x 03 phần = **12.000.000 đồng**, hụi mãn vào vụ 2 năm 2018.

- Dây thứ 04: Hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 01/02/2014 âm lịch, một năm khui 03 lần, gồm 13 phần, có 12 hụi viên tham gia, vợ chồng chị D và anh L tham gia 02 phần.

+ Phần thứ 01 hốt vào kỳ thứ 2, nợ 04 kỳ hụi đã qua kỳ khui là **8.000.000 đồng**, chưa đến kỳ khui khi mãn hụi 02 kỳ là **4.000.000 đồng**.

+ Phần thứ 02 còn sống, đóng đến kỳ thứ 7 được **14.000.000 đồng**, hụi mãn vào vụ đông xuân năm 2018.

- Dây thứ 05: Hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 01/02/2014 âm lịch, một năm khui 03 lần, gồm 13 phần, có 12 hụi viên tham gia, vợ chồng chị D và anh L tham gia 01 phần, đã hốt vào kỳ thứ 4, nợ 04 kỳ hụi đã qua kỳ khui là **4.000.000 đồng**, chưa đến kỳ khui khi mãn hụi 02 kỳ là **2.000.000 đồng**, hụi mãn vào vụ đông xuân năm 2018.

- Dây thứ 06: Hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 15/02/2016 âm lịch, một năm khui 03 lần, gồm 12 phần, có 12 hụi viên tham gia, vợ chồng chị D và anh L tham gia 01 phần, đã hốt trước, nợ 04 kỳ hụi đã qua kỳ khui là **20.000.000 đồng**, chưa đến kỳ khui khi mãn hụi 07 kỳ là **35.000.000 đồng**, hụi mãn vào vụ 3 năm 2019.

- Dây thứ 07: Hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 15/08/2015 âm lịch, một năm khui 04 lần, gồm 13 phần, có 12 hụi viên tham gia, vợ chồng chị D và anh L tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 03 kỳ là **9.000.000 đồng**.

Dây thứ 04 và dây thứ 07 vợ chồng chị D còn hụi sống số tiền 14.000.000 đồng + 9.000.000 đồng + 5.000.000 đồng chị D đã đưa = 28.000.000 đồng.

Trong 06 dây hụi vợ chồng chị Phạm Thị Hồng D và anh Đồng Văn L nợ hụi chết không đóng là 134.000.000 đồng, hụi đã qua kỳ khui số tiền 67.000.000 đồng, hụi chưa tới kỳ khui là 67.000.000 đồng. Chị L và anh B yêu cầu trừ đi số

tiền chị D và anh L đưa 5.000.000 đồng + cộng với 02 phần hụi sống đã đóng 23.000.000 đồng, tổng cộng là 28.000.000 đồng, trừ đi số tiền hụi chết đã qua kỳ khui mà chị D và anh L không đóng số tiền 67.000.000 đồng – 28.000.000 đồng = 39.000.000 đồng.

Nay chị L và anh B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Đồng Văn L chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hụi đã qua kỳ khui còn nợ lại là 39.000.000 đồng yêu cầu trả ngay một lần, còn lại số tiền 67.000.000 đồng chưa tới kỳ khui yêu cầu trả theo kỳ khui hụi tiếp theo.

* Tại bản tự khai ngày 03/7/2017 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn chị Phạm Thị Hồng D trình bày:

Thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn chị L và anh B thừa nhận có tham gia tổng cộng 07 dây hụi như vợ chồng chị L và anh B trình bày. Hiện chị D đã chưa đóng hụi chết của 06 dây hụi đã qua các kỳ khui số tiền 67.000.000 đồng, nhưng chị D yêu cầu trừ đi 02 phần hụi sống là 23.000.000 đồng và số tiền đã đưa cho chị L 5.000.000 đồng tổng cộng 28.000.000 đồng thì chị D còn nợ tiền hụi chưa đóng là 39.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng. Còn lại số tiền hụi chưa tới kỳ khui 67.000.000 đồng thì chị D đồng ý trả theo kỳ khui hụi tiếp theo.

Ngoài ra, vợ chồng chị L và anh B yêu cầu chồng chị D là anh Đồng Văn L có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền hụi này thì chị không đồng ý, vì khi tham gia chơi hụi chỉ có chị D tham gia đứng tên trên giấy tờ, anh L không có tham gia chơi hụi cùng.

* Tại bản tự khai ngày 03/7/2017 bị đơn anh Đồng Văn L trình bày:

Chị Phạm Thị Hồng D là vợ anh, anh không biết việc chị D tham gia góp hụi với vợ chồng chị L và anh B như thế nào. Đến ngày 24/5/2017 âm lịch vợ chồng chị L và anh B đến nhà anh để đòi tiền hụi, anh có trả lời với chị L và anh B là việc tham gia góp hụi giữa chị D với vợ chồng chị L và anh B thì hai bên làm gì làm anh không biết.

Nay vợ chồng chị L và anh B khởi kiện yêu cầu anh L có nghĩa vụ liên đới cùng với chị D trả số tiền hụi 111.000.000 đồng thì anh không đồng ý. Bởi vì, anh không có tham góp hụi cùng với chị D và số tiền chị D hốt hụi cũng không nhằm vào việc phục vụ nhu cầu của gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị đơn anh Đồng Văn L có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L là có căn cứ đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Chị Tôn Thị Trúc L và anh Trần Văn B có đơn khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị Hồng D và anh Đồng Văn L trả số tiền nợ hụi 106.000.000 đồng, đây là tranh chấp hợp đồng góp hụi được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và

thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm chị L, anh B và chị D khai thống nhất việc chị D có tham gia 07 dây hụi do chị L và anh B làm đầu thảo, hiện còn nợ số tiền hụi chết đã qua kỳ khui không đóng là 67.000.000 đồng và số tiền hụi chết chưa tới kỳ khui là 67.000.000 đồng. Trong 07 dây hụi này thì còn 02 phần hụi sống chị D chưa hốt số tiền 23.000.000 đồng và chị D có đưa cho chị L và anh B số tiền 5.000.000 đồng, tổng cộng là 28.000.000 đồng. Chị L, anh B và chị D thống nhất khấu trừ số tiền 28.000.000 đồng này qua số tiền hụi chết đã qua kỳ khui không đóng là 67.000.000 đồng, nên phía chị D còn nợ số tiền hụi chết đã qua kỳ khui là 39.000.000 đồng và số tiền hụi chết chưa tới kỳ khui là 67.000.000 đồng. Nay nguyên đơn chị L và anh B yêu cầu chị D và anh L liên đới trả số tiền hụi chết đã qua kỳ khui là 39.000.000 đồng trả ngay một lần khi án có hiệu lực, còn lại số tiền hụi chết chưa tới kỳ khui là 67.000.000 đồng yêu cầu trả theo kỳ khui hụi tiếp theo, bị đơn chị D đồng ý trả cho chị L và anh B số tiền hụi chết đã qua kỳ khui là 39.000.000 đồng xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, còn lại số tiền hụi chết chưa tới kỳ khui là 67.000.000 đồng thì đồng ý trả theo kỳ khui hụi tiếp theo, còn bị đơn anh L không đồng ý liên đới cùng với chị D trả số tiền nợ hụi này vì anh không có tham gia góp hụi cùng với chị D.

Xét, chị D là hụi viên từ năm 2013 đến năm 2016 có tham gia 07 dây hụi do chị L và anh B làm đầu thảo, chị D đã hốt 06 dây hụi sử dụng vào nhu cầu thiết yếu trong gia đình nhưng không thực hiện nghĩa vụ góp hụi chết là vi phạm nghĩa vụ. Do đó, chị L và anh B yêu cầu chị D trả số tiền hụi chết đã qua kỳ khui là 39.000.000 đồng và số tiền hụi chết chưa tới kỳ khui là 67.000.000 đồng trả theo kỳ khui hụi tiếp theo là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 18, 20 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Ngoài ra, chị L và anh B có yêu cầu anh Đồng Văn L có nghĩa vụ liên đới cùng với chị D trả số tiền nợ hụi tổng cộng 106.000.000 đồng, trả một lần số tiền hụi đã qua kỳ khui là 39.000.000 đồng, còn lại 67.000.000 đồng trả theo kỳ khui hụi tiếp theo. Anh L không đồng ý trả số tiền nợ hụi cùng với chị D do anh không có tham gia hụi cùng với chị D. Xét, theo lời khai của anh L tại bản tự khai ngày 03/7/2017 anh cho rằng không tham gia góp hụi cùng với chị D, nhưng theo lời trình bày của chị D tại phiên tòa sơ thẩm xác định toàn bộ số tiền hốt hụi chị sử dụng vào việc làm vốn để buôn bán và để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, anh L biết việc chị D có tham gia các dây hụi của chị L và anh B nhưng không tham gia. Mặc dù, anh L không trực tiếp tham gia hụi nhưng chị D sử dụng số tiền hốt hụi để đáp ứng các nhu cầu thiết yếu trong gia đình, anh L là chồng của chị D đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên anh L phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ hụi cùng với chị D theo quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên toà chị D đồng ý trả cho chị L và anh B số tiền hụi đã qua kỳ khui là 39.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, còn lại số tiền hụi chưa tới kỳ khui 67.000.000 đồng thì chị D đồng ý trả theo kỳ khui hụi tiếp

theo. Chị L và anh B yêu cầu chị D và anh L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi số tiền hụi đã qua kỳ khui là 39.000.000 đồng trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, còn lại số tiền hụi chưa tới kỳ khui 67.000.000 đồng thì chị D đồng ý trả theo kỳ khui hụi tiếp theo yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, còn lại số tiền hụi chưa tới kỳ khui 67.000.000 đồng thì trả theo kỳ khui hụi tiếp theo. Về phương thức trả, thời gian trả số tiền hụi hai bên không thỏa thuận được, nên phương thức trả, thời gian trả là do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L và anh B, buộc chị D và anh L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi đã qua kỳ khui là 39.000.000 đồng, còn lại số tiền hụi chưa tới kỳ khui 67.000.000 đồng thì trả theo kỳ khui hụi tiếp theo.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị L và anh B là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận, căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, nên buộc chị D và anh L có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 106.000.000 đồng x 5% = 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 18, 20 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tôn Thị Trúc L và anh Trần Văn B.

Buộc chị Phạm Thị Hồng D và anh Đồng Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Tôn Thị Trúc L và anh Trần Văn B số tiền hụi 106.000.000 đồng (Một trăm lẽ sáu triệu đồng). Trả số tiền hụi đã qua kỳ khui 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng), còn lại số tiền hụi chưa tới kỳ khui 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng) trả theo kỳ khui hụi tiếp theo cụ thể như sau:

+ Ngày 10/9/2017 trả số tiền hụi 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).
+ Ngày 07/12/2017 trả số tiền hụi 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).
+ Ngày 07/3/2018 trả số tiền hụi 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).
+ Ngày 03/6/2018 trả số tiền hụi 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).
+ Ngày 03/9/2018 trả số tiền hụi 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).
+ Ngày 20/02/2019 trả số tiền hụi 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).
+ Ngày 20/5/2019 trả số tiền hụi 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

+ Ngày 20/8/2019 trả số tiền hụi 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng D và anh Đồng Văn L liên đới chịu 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Tôn Thị Trúc L và anh Trần Văn B 2.775.000 đồng (Hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 07068 ngày 21/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh B, chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe